

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TỈNH VĨNH L **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 694/2026/DS-PT
Ngày: 21/7/2026
V/v Tranh chấp bồi thường thiệt hại tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH L

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lâm Triệu Hữu

Các Thẩm phán: **Bà Đặng Thị Ánh Bình**

Bà Ngô Thị Kim Châu

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thanh Thảo – Thẩm tra viên chính Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh L.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh L tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Pho - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 7 năm 2026, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh L xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý 385/TLPT-DS ngày 10/6/2026 về việc “Tranh chấp bồi thường thiệt hại tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 22/2026/ DS-ST ngày 05 tháng 3 năm 2026 của Tòa án nhân dân khu vực 3 – Vĩnh L bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 620/2026/QĐ-PT ngày 22 tháng 6 năm 2026 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Trần Thị Á, sinh năm: 1949; CCCD số: 086149000430; Địa chỉ: khóm M, phường C, tỉnh Vĩnh L: vắng mặt

Đại diện theo ủy quyền:

Ông Nguyễn Thanh T, sinh năm 1978; Địa chỉ: khóm M, phường C, tỉnh Vĩnh L (theo văn bản ủy quyền ngày 29/12/2025): có mặt

Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1991; Địa chỉ: F, Phó C, phường P, tỉnh Vĩnh L (theo văn bản ủy quyền ngày 30/7/2026): có mặt

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị D, sinh năm: 1962; CCCD số: 086162001079; Địa chỉ: khóm M, phường C, tỉnh Vĩnh L: vắng mặt

Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn U sinh năm 1957; Địa chỉ: khóm M, phường C, tỉnh Vĩnh L (theo văn bản ủy quyền ngày 25/7/2025): có mặt

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ông Nguyễn Văn U, sinh năm 1957; Địa chỉ: khóm M, phường C, tỉnh Vĩnh L: có mặt

Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1996; Địa chỉ: khóm M, phường C, tỉnh Vĩnh L: vắng mặt

Ông Nguyễn Văn P, sinh năm 1996; Địa chỉ: khóm M, phường C, tỉnh Vĩnh L:

vắng mặt

Người kháng cáo: Bà Trần Thị Á là nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện sửa đổi, bổ sung ngày 03/3/2025 và trong quá trình giải quyết nguyên đơn bà Trần Thị Á và người đại diện theo ủy quyền trình bày như sau:

Nguồn gốc phần đất thửa 931, tờ bản đồ số 3, diện tích 1125,9m² tọa lạc tại ấp M, xã M, thị xã B, tỉnh Vĩnh L (nay là khóm M, phường M, tỉnh Vĩnh L) là do ông bà để lại, năm 1999 bà Ảnh kê khai đăng ký thửa đất trên được Ủy ban nhân dân tỉnh V cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Giáp ranh thửa 931 là phần đất của ông U, bà D nhưng chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Năm 2011, bà Á xây dựng căn nhà cấp 4 trên phần đất thuộc thửa 931 nhưng khi xây dựng đã cắt cách ranh đất của ông U, bà D có đoạn 03 tấc, có đoạn 1m. Khoảng tháng 6/2019, bà D dùng len đào mương, xả nước thải sinh hoạt của gia đình ra con mương này và dùng phần đất đào được của thửa 931 đắp thành con đê phía bên phần đất của ông Nguyễn Văn H giáp phía sau thửa đất 931 của bà Á. Khi phát hiện, bà Á có ngăn cản nhưng bà D vẫn tiếp tục đào và dùng những lời lẽ thô tục để chửi gia đình bà Á. Đến năm 2021, chỗ phần đất nhà bếp phía sau nhà bị sụp nên bà Á có dùng tole để dựng ngăn kín phần đất bị sụp nhưng bà D vẫn tiếp tục móc đất làm sụp toàn bộ vách tường, nhà bếp, bếp nấu ăn và sàn nước, gây thiệt hại cho bà Á khoảng 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng. Sau khi xảy ra thiệt hại, bà Á có trao đổi, thương lượng nhiều lần với bà D nhưng không được.

Do vậy, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bà D phải bồi thường chi phí xây dựng lại vách tường nhà bếp, bếp nấu ăn, sàn nước và san lấp lại phần đất bị sụp lún do bà D đã móc với chi phí là 40.000.000 đồng. Bà Á rút lại một phần yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu bà D phải trả lại phần đất lấn chiếm và bồi lấp lại phần đất bà D đã móc lấn sang có chiều ngang 0,6m, chiều dài 12,3m, diện tích 7,38m² thuộc một phần thửa 931, tờ bản đồ số 3, diện tích 1.125,9m² tọa lạc tại ấp M, xã M, thị xã B, tỉnh Vĩnh L (nay là khóm M, phường M, tỉnh Vĩnh L).

Bị đơn bà Nguyễn Thị D, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Văn U trình bày như sau:

Bà D, ông U được cha mẹ cho phần đất nhưng chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, giáp thửa đất bà D, ông U là thửa đất 931, tờ bản đồ số 3 tọa lạc tại ấp M, xã M, thị xã B, tỉnh Vĩnh L (nay là khóm M, phường M, tỉnh Vĩnh L) của bà Á. Phía sau đất của bà Á là con mương do cha mẹ ông U, bà D đào khoảng năm

1970 có chiều ngang khoảng 1m để làm đê bao không cho nước tràn vô gây ngập úng để trồng hoa màu. Trong quá trình sinh sống, gia đình bà A đã bồi đắp lấn sang phần nương ranh trên và xả rác xuống lấp nương, nước không thoát được nên hàng năm bà D phải lội xuống nương dùng len để xúc bèo, bọc nilong và rác thải để thông thoáng đường nước, ông U xác định bà D không có đào đất gây sụp lún và hư hỏng tài sản của bà A như ông T đã trình bày. Do đó ông U đại diện theo ủy quyền của bà D không đồng ý yêu cầu khởi kiện của bà A về việc yêu cầu bồi thường số tiền 40.000.000 đồng.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 22/2026/DS-ST ngày 05 tháng 3 năm 2026 của Tòa án nhân dân khu vực 3 – Vĩnh L đã quyết định:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị A về việc yêu cầu bị đơn bà D phải bồi thường chi phí xây dựng lại vách tường nhà bếp, bếp nấu ăn, sàn nước và lấp lại nền mà bà D đã móc đất làm sụp vách tường, nhà bếp, bếp nấu ăn và sàn nước với số tiền là 40.000.000 đồng.

Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị A về việc yêu cầu bà D phải trả lại phần đất lấn chiếm và bồi lấp lại phần đất bà D đã móc lấn sang có chiều ngang 0,6m, chiều dài 12,3m, diện tích 7,38m² thuộc một phần thửa 931, tờ bản đồ số 3, diện tích 1.125,9m² tọa lạc tại ấp M, xã M, thị xã B, tỉnh Vĩnh L (nay là khóm M, phường M, tỉnh Vĩnh L).

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 18/3/2026, nguyên đơn bà Trần Thị A kháng cáo với nội dung: Yêu cầu cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm buộc bà D bồi thường cho bà A 40 triệu đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn do người đại diện theo ủy quyền trình bày: Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu kháng cáo. Thiệt hại là do ước tính giá trị xây dựng mới khoảng 80 triệu đồng nhưng chỉ yêu cầu bà bồi thường số tiền 40 triệu đồng. Hiện tại gia đình nguyên đơn đã sửa chữa xây dựng lại mới nên không yêu cầu giám định thiệt hại.

Bị đơn do người đại diện theo ủy quyền trình bày: Không đồng ý yêu cầu khởi kiện, yêu cầu kháng cáo. Đề nghị không chấp nhận yêu cầu khởi kiện, yêu cầu kháng cáo.

Trong phần tranh tụng, các đương sự thống nhất: Quan hệ pháp luật, tư cách đương sự, kết quả xem xét thẩm định tại chỗ, giá trị thiệt hại là không lớn chủ yếu do cách cư xử mâu thuẫn trong sinh hoạt.

Vấn đề không thống nhất: Nguyên đơn yêu cầu bồi thường thiệt hại số tiền 40 triệu đồng nhưng bị đơn không đồng ý do bị đơn cho rằng nguyên đơn không có thiệt hại như yêu cầu khởi kiện, yêu cầu kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật của người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng là đảm bảo theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử phúc thẩm.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ khoản 1 Điều 308, Điều 12, khoản 1 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2026 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn bà Trần Thị Á. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 22/2026/ DS-ST ngày 05 tháng 3 năm 2026 của Tòa án nhân dân khu vực 3 – Vĩnh L.

Ngoài ra, đại diện Viện kiểm sát còn phát biểu về án phí dân sự phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét toàn diện các chứng cứ; ý kiến trình bày của các đương sự; căn cứ vào kết quả tranh luận và phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của nguyên đơn là hợp lệ nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về nội dung: Xét kháng cáo của nguyên đơn bà Trần Thị Á. Hội đồng xét xử nhận thấy:

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bồi thường thiệt hại do tài sản bị xâm phạm theo quy định tại Điều 585, Điều 589 của Bộ luật dân sự. Theo quy định tại Điều 584 của Bộ luật dân sự và Điều 2, Điều 6 Nghị quyết số 02/2022/NQ-HĐTP ngày 06/9/2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, căn cứ phát sinh trách nhiệm bồi thường và căn cứ xác định thiệt hại khi có đầy đủ các yếu tố: các hành vi trái pháp luật; có thiệt hại thực tế xảy ra và có mối quan hệ nhân quả giữa hành vi và thiệt hại, đồng thời có lỗi của người gây thiệt hại. Theo khoản 2 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự, đương sự yêu cầu Tòa án bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình phải có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu đó là có căn cứ và hợp pháp. Tuy nhiên, thiệt hại theo yêu cầu khởi kiện, yêu cầu kháng cáo chỉ là ước tính, không phải thiệt hại thực tế. Ngoài lời trình bày không được bị đơn thừa nhận, nguyên đơn không đưa ra được chứng cứ chứng minh.

[3] Từ cơ sở pháp lý và đánh giá chứng cứ như đã nhận định trên, kháng cáo của nguyên đơn là không có cơ sở để chấp nhận.

[4] Án phí dân sự phúc thẩm:

Do kháng cáo không được chấp nhận nên nguyên đơn phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Nguyên đơn là người cao tuổi nên được miễn.

Quan điểm của Kiểm sát viên phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận toàn bộ.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm về việc đình chỉ yêu cầu khởi kiện trả lại đất lấn chiếm không có kháng cáo, không bị kháng nghị nên Hội đồng xét xử không xét và có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự. Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn Trần Thị Á. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 22/2026/ DS-ST ngày 05 tháng 3 năm 2026 của Tòa án nhân dân khu vực 3 – Vĩnh L.

Áp dụng các Điều 148, Điều 157, Điều 158, Điều 165, Điều 166, Điều 244, Điều 584, Điều 585 và Điều 589 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 2 Luật Người cao tuổi năm 2009; điểm đ khoản 1 Điều 12, 14 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị Á về việc yêu cầu bị đơn bà Nguyễn Thị D phải bồi thường chi phí xây dựng lại vách tường nhà bếp, bếp nấu ăn, sàn nước và lấp lại nền mà bà D đã móc đất làm sụp vách tường, nhà bếp, bếp nấu ăn và sàn nước với số tiền là 40.000.000 đồng.

2. Án phí dân sự phúc thẩm: Miễn án phí dân sự phúc thẩm cho nguyên đơn Trần Thị Á do là người cao tuổi.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Chánh án;
- VKSND tỉnh Vĩnh L;
- TAND khu vực 3 -Vĩnh L;
- VKSND khu vực 3 - Vĩnh L;
- THADS tỉnh Vĩnh L;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lâm Triệu Hữu